TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 700/2025/DS-PT
Ngày: 09 - 12 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan.

Bà Phan Thị Tuyết Mai.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đinh Quốc Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thanh Giềng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 365/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 689/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Công Thị Q, sinh năm 1953; địa chỉ: Số 10/47, khu vực T, phường A, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đặng Mỹ L, sinh năm 1998; địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Cà Mau (nay là xã T, tỉnh Cà Mau), (có mặt) và bà Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2000; địa chỉ: Cạnh 329A, Nguyễn Văn Linh, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường T, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt). (Văn bản ủy quyền ngày 24/3/2025).

- *Bị đơn:*

1. Ông Ngô Hữu T, sinh năm 1988 (vắng mặt).

2. Bà Phạm Thị V, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 9, khu vực T, phường A, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: Ông Trần Vũ Thanh O, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 116A, Tầm Vu, phường T, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 13/6/2025), (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Công Thị Q, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Tại Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do quan hệ quen biết bên bà Q có cho vợ chồng bà V và ông T vay số tiền 175.000.000 đồng, có viết biên nhận nợ ngày 28/10/2022, có chữ ký của bà V và ông T, lãi suất các bên thỏa thuận là 04%/tháng. Tuy nhiên, từ ngày nhận tiền vay đến nay thì bà V và ông T không có đóng lãi cho bà Q.

Ngoài ra, vào ngày 10/9/2022 nguyên đơn được lĩnh hụi trong dây hụi 2.000.000 đồng do vợ chồng bà V, ông T làm chủ hụi, nhưng vợ chồng bà V, ông T không có giao tiền hụi cho nguyên đơn. Do vậy, nay nguyên đơn khởi kiện:

Đối với số tiền vay 175.000.000 đồng, yêu cầu bị đơn trả tiền gốc là 175.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 04%/tháng, kể từ ngày vay 28/10/2022 đến nay.

Đối với số tiền hụi 82.000.000 đồng, yêu cầu trả tiền gốc là 82.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng, kể từ ngày 10/9/2022 đến nay.

Đối với chứng cứ về hụi thì nguyên đơn chỉ có giấy viết tay ghi nhận có chơi hụi như đã nộp kèm theo đơn khởi kiện, do khi đó tin tưởng vợ chồng bà V nên nguyên đơn không yêu cầu vợ chồng bà V ký xác nhận nợ.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải:

Khoản nợ 175.000.000 đồng, bà V thừa nhận có nợ của bà Q, chữ ký tại biên nhận nợ này là do bà V ký và ký thay luôn cho chữ ký của ông T. Vì vậy, bà V đồng ý chịu toàn bộ trách nhiệm đối với số tiền 175.000.000 đồng này, vì không liên quan đến ông T. Tuy nhiên, về tiền lãi không đồng ý với mức lãi suất 04%/tháng mà nguyên đơn yêu cầu, yêu cầu được tính lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đối với khoản tiền 82.000.000 đồng nợ hụi như nguyên đơn yêu cầu, bà V xác định không có chơi hụi, không tổ chức hụi như nguyên đơn trình bày nên không đồng ý trả số tiền này.

- *Tại phiên tòa:*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ 175.000.000 đồng và tiền

lãi với mức lãi suất như đã thỏa thuận là 04%/tháng, tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, tương ứng tiền lãi là 234.733.333 đồng. Đối với số tiền hụi 82.000.000 đồng, nguyên đơn rút lại yêu cầu về việc buộc bị đơn trả lãi, chỉ yêu cầu trả nợ gốc. Tổng cộng các khoản tiền gốc và tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là 491.733.333 đồng. Còn việc bị đơn chỉ trình bày miệng rằng không phải chữ ký của ông T nhưng không có căn cứ chứng minh là từ bỏ quyền chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bà V thừa nhận có vay của bà Q số tiền 175.000.000 đồng nhưng đây là khoản vay riêng của bà V, ông T không biết và chữ ký trong biên nhận nguyên đơn đưa ra không phải là chữ ký của ông T, nên yêu cầu loại trừ trách nhiệm của ông T đối với khoản nợ này. Về tiền lãi, trước đây bà V có đóng lãi cho nguyên đơn nhiều lần nhưng không có biên nhận chứng minh nên không yêu cầu khấu trừ lãi, nay chỉ đồng ý trả lãi cho nguyên đơn với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Đối với khoản tiền 82.000.000 đồng nguyên đơn cho rằng đây là nợ hụi nhưng không có chứng cứ nào thể hiện quá trình chơi hụi, hốt hụi của các bên nên không có căn cứ để buộc bị đơn trả số tiền trên, bị đơn không đồng ý trả số tiền này.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc các bị đơn bà Phạm Thị V và ông Nguyễn Hữu T phải có nghĩa vụ trả cho bà Công Thị Q số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là 270.865.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Trong đó, tiền gốc là 175.000.000 đồng và tiền lãi là 95.865.000 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi vượt mức 20%/năm và tiền nợ hụi là 82.000.000 đồng (Tám mươi hai triệu đồng).

- Kể từ ngày nguyên đơn đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thanh toán số tiền trên thì còn phải chịu lãi suất nợ quá hạn, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/8/2025, nguyên đơn bà Công Thị Q có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ và được Tòa án cấp sơ thẩm nhận cùng ngày. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi

kiện của bà, cụ thể là buộc các bị đơn trả cho bà thêm số tiền hụi là 82.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng: Trên danh sách hụi ghi chủ hụi tên L là tên thường gọi của bà V, do tin tưởng nên nguyên đơn không yêu cầu bà V ký nhận hốt hụi và nợ tiền hụi, chỉ có danh sách hụi do bị đơn cung cấp đã nộp kèm theo đơn khởi kiện. Việc bà V làm chủ hụi và nợ tiền hụi nguyên đơn có thành viên hụi biết nhưng không đồng ý làm chứng. Nay đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Q, buộc các bị đơn trả số tiền hụi còn thiếu là 82.000.000 đồng.

+ Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng: Bị đơn không có làm chủ hụi và nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh bị đơn làm chủ hụi, nguyên đơn có tham gia hụi và hốt hụi, bị đơn còn nợ tiền hụi. Ngoài ra, bà V không có tên gọi khác, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

+ Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Q và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) – viết tắt là Bộ luật TTDS, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần hai, nguyên đơn bà Công Thị Q và bị đơn bà Phạm Thị V, ông Ngô Hữu T đều vắng mặt, nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa. Việc vắng mặt của những người vừa nêu không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật TTDS, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo; thời hạn kháng cáo của nguyên đơn bà Q là đúng chủ thể có quyền kháng cáo, đảm bảo về hình thức và còn trong thời hạn kháng cáo được quy định tại Điều 271, Điều 272, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật TTDS, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Theo đơn khởi kiện, ngoài việc yêu cầu các bị đơn trả số tiền vay là 175.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 04%/tháng thì nguyên đơn còn yêu cầu các bị đơn trả số tiền hụi còn thiếu là 82.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xác định bổ sung quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật TTDS.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Q về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, cụ thể là buộc các bị đơn trả cho bà thêm số tiền hụi là 82.000.000 đồng. Xét thấy, khi khởi kiện nguyên đơn bà Q cho rằng vào ngày 10/9/2022 bà được lĩnh hụi trong dây hụi 2.000.000 đồng do vợ chồng bà V và ông T làm chủ hụi, nhưng vợ chồng bà V và ông T không có giao tiền hụi cho bà, nên bà yêu cầu vợ chồng bà V và ông T trả số tiền hụi là 82.000.000 đồng và có cung cấp Danh sách hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 19/8/2022 (BL số 33). Tuy nhiên, danh sách hụi này ghi chủ hụi là "L", không có liên quan gì đến bà V và ông T và cũng không có ai ký tên xác nhận, kể cả chủ hụi và các thành viên. Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng tên gọi khác của bà V là L, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xác định bà V có tên gọi khác là L. Ngoài danh sách hụi này ra thì nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có việc tổ chức tham gia hụi do bà V và ông T làm chủ hụi, bà Q là hụi viên và cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bà Q tham gia bỏ hụi và hốt hụi được số tiền cụ thể là bao nhiêu, không phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Vì vậy, các bị đơn không có nghĩa vụ trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Q đối với số tiền hụi 82.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp.

[5] Từ những nhận định tại mục [4] nêu trên, xét thấy toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Q là không có căn cứ, nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật TTDS, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên, nên nguyên đơn bà Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật TTDS và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, bà Q sinh năm 1953 là người cao tuổi, nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do bà Q được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên không đặt ra xem xét việc hoàn trả lại.

[7] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Q và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật TTDS, để giữ nguyên bản

án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Công Thị Q.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ. Án tuyên như sau:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Công Thị Q.

- Buộc các bị đơn bà Phạm Thị V và ông Nguyễn Hữu T phải có nghĩa vụ trả cho bà Công Thị Q số tiền gốc và lãi tổng cộng là 270.865.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Trong đó, tiền gốc là 175.000.000 đồng và tiền lãi là 95.865.000 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn trả số tiền lãi vượt mức 20%/năm và tiền nợ hụi là 82.000.000 đồng (Tám mươi hai triệu đồng).

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Công Thị Q được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Các bị đơn bà Phạm Thị V và ông Nguyễn Hữu T phải chịu số tiền 13.543.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Công Thị Q được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 2 - Cần Thơ
- THADS khu vực 2 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn